

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đém

2/ Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp T, xã N1, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 10/9/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M ngày 14/3/2019. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp và vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về

con chung, thời gian chị và anh T sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 10/11/2019 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/12/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E xin rút yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Lý do, từ khi chị sinh con đến nay anh T không phụ tiền để chị nuôi con, chị vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con đầy đủ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2022 ông Nguyễn Văn Thon cha ruột của anh Nguyễn Văn T trình bày: Thời gian vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E và anh Nguyễn Văn T sống chung, vợ chồng đi làm tại huyện Mang Thít đến Lễ, Tết mới về nhà ông chơi nên ông không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Về con chung của chị Xuân E và anh T là cháu Nguyễn Ngọc Thiên K từ trước đến nay sống chung với chị Xuân E, chị Xuân E chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đảm bảo, cháu phát triển tốt, học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ đối với yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 10/11/2019 cho chị Xuân E tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Xuân E có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/12/2022, nguyên đơn chị Xuân E xin rút yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Xuân E là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Do đó, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E và anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 14/3/2019 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E và anh Nguyễn Văn T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2021 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Xuân E là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 10/11/2019 hiện đang sống chung với chị Xuân E, chị Xuân E yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Xuân E và anh T cắt đứt quan hệ đến nay cháu Nguyễn Ngọc Thiên K sống chung với chị Xuân E, được chị Xuân E chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, cháu được học hành đầy đủ, việc này ông Nguyễn Văn T1 (cha ruột anh T) cũng xác nhận. Mặc khác, anh T đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chứng tỏ anh T thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị Xuân E. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để ổn định cuộc sống của cháu Thiên K nên cần giao con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 10/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E là người đang trực tiếp nuôi con, tại đơn khởi kiện chị Xuân E có yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng chị Xuân E đã rút yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E về việc buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 10/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Xuân E có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014921 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị Xuân E đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã N (GCNKH số 18, ngày 14/3/2019;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Nguyễn Thị Thu Nga**